

TÒA ÁN NHÂN DÂN
HUYỆN CỬ CHI
THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Bản án số: 187/2025/HS-ST
Ngày 04-6-2025

NHÂN DANH
NƯỚC CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
TÒA ÁN NHÂN DÂN HUYỆN CỬ CHI, THÀNH PHỐ HỒ CHÍ MINH

- Thành phần Hội đồng xét xử sơ thẩm gồm có:

Thẩm phán - Chủ tọa phiên tòa: Bà Nguyễn Hồng Thủy.

Các Hội thẩm nhân dân:

Ông Nguyễn Văn Vân;

Bà Lê Thị Phương Hồ.

- Thư ký phiên tòa: Ông Hoàng Kim An - Thư ký Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh.

- Đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh tham gia phiên tòa: Ông Đồng Quang Hải - Kiểm sát viên.

Trong ngày 04 tháng 6 năm 2025 tại trụ sở Tòa án nhân dân huyện Cử Chi, Thành phố Hồ Chí Minh xét xử sơ thẩm công khai vụ án hình sự sơ thẩm thụ lý số: 328/2024/TLST-HS ngày 20 tháng 11 năm 2024 theo Quyết định đưa vụ án ra xét xử số: 185/2025/QĐXXST-HS ngày 14 tháng 5 năm 2025 đối với bị cáo:

Hoàng Ngọc T, sinh ngày 21 tháng 12 năm 1995 tại Thành phố Hồ Chí Minh; nơi thường trú: Số E ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nơi ở hiện tại: Số A ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh; nghề nghiệp: Không có; trình độ học vấn: 6/12; dân tộc: Kinh; giới tính: Nam; tôn giáo: Không; quốc tịch: Việt Nam; con ông Hoàng Ngọc Q và bà Huỳnh Thị G; có vợ và 03 con, lớn nhất sinh năm 2017, nhỏ nhất sinh năm 2022; tiền án: Ngày 15/3/2016, Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm 6 tháng tù về tội “Giao cấu với trẻ em” theo bản án số 127/2016/HSPT. Ngày 20/5/2016, Tòa án nhân dân Quận 12, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 01 năm tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 120/2016/HSST, tổng hợp hình phạt với bản án số 127/2016/HSPT ngày 15/3/2016 của Tòa án nhân dân Thành phố Hồ Chí Minh là 02 năm 6 tháng tù, chấp hành xong án phạt tù ngày 19/3/2018. Ngày 24/6/2020, Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh xử phạt 02 năm 3 tháng tù về tội “Trộm cắp tài sản” theo bản án số 95/2020/HSST, chấp hành xong án phạt tù ngày 28/11/2021; tiền sự: Không; bị bắt tạm giam từ ngày 27/3/2024 cho đến nay; bị cáo có mặt tại phiên tòa.

- Bị hại:

+ Bà Huỳnh Thị Lệ T1, sinh năm 1969 (có mặt).

Nơi thường trú: Ấp Đ, xã V, huyện C, tỉnh An Giang.

Nơi ở hiện nay: Ấp E, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Huỳnh Thị Hồng P, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số H đường H, ấp G, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Thị Họa M, sinh năm 1989 (vắng mặt).

Địa chỉ: Số B đường L, ấp B, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Thạch Thị G1, sinh năm 1967 (xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Số A, tổ B, khu phố B, phường T, Quận A, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Số C đường N, ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Lê Cẩm T2, sinh năm 1981 (xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Ấp L, xã P, huyện T, tỉnh Đồng Tháp.

Nơi tạm trú: Ấp H, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Văn Thị V, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Ấp D, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Đỗ Thị Thanh B, sinh năm 1975 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số A, đường số B, ấp B, xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

- *Người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án:*

+ Bà Nguyễn Thị M1, sinh năm 1977 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số D, tổ C, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Nguyễn Thị L, sinh năm 1960 (xin vắng mặt).

Địa chỉ: Số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Bùi Đình B1, sinh năm 1985 (xin vắng mặt).

Nơi thường trú: Số A đường T, Phường D, quận P, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi tạm trú: Số B đường T, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Bà Trương Thị Mỹ D, sinh năm 1998 (có mặt).

Nơi thường trú: Số B, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

Nơi ở hiện tại: Số A, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

+ Ông Trần Văn B2, sinh năm 1986 (có mặt).

Địa chỉ: Số E, đường T, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh.

NỘI DUNG VỤ ÁN:

Theo các tài liệu có trong hồ sơ vụ án và diễn biến tại phiên tòa, nội dung vụ án được tóm tắt như sau:

Hoàng Ngọc T và Nguyễn Văn T3 quen biết nhau từ năm 2023. Sau quá trình quen biết thì T3 rủ T cùng đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Thạch chuẩn bị phương tiện là 01 xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen biển số 50Y1-877.04, 01 bình xịt hơi cay màu đen để ngăn cản và chống trả lại khi bị phát hiện, truy đuổi. T3 chuẩn bị biển số giả để dán vào xe mô tô của T nhằm mục đích tránh bị phát hiện. Mỗi khi đi cướp giật tài sản thì T và T3 hẹn nhau tại khu vực cầu X (giáp ranh giữa huyện H và huyện C). Sau khi cướp giật tài sản thì T3 tháo biển số xe giả về cất giữ. Tài sản cướp giật được sẽ đem đi bán chia đôi số tiền có được để tiêu xài. T3 kêu T cầm lái điều khiển xe mô tô chở T3 ngồi sau để cướp giật tài sản. Từ tháng 02/2023 đến tháng 03/2024 T và T3 đã thực hiện 07 vụ cướp giật tài sản xảy ra tại địa bàn huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh, cụ thể như sau:

Vụ thứ 1: Khoảng 16 giờ 00 phút ngày 06/02/2023, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-877.04 đến cầu X, huyện H để đón T3. Khi gặp nhau T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật để đi cướp giật tài sản. T và T3 đi trên các tuyến đường thuộc địa bàn huyện C tìm tài sản để cướp giật. Khoảng 17 giờ 00 phút cùng ngày, T và T3 đang lưu thông trên đường H từ trong chợ T5 ra đường T thì thấy bà Huỳnh Thị Lệ T1 đang ngồi nói chuyện với bạn trước địa chỉ số A đường H, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh. T điều khiển xe mô tô áp sát bà T1 ngồi phía ngoài để cho T3 dùng tay trái giật được 01 sợi dây chuyền vàng 14K, trọng lượng khoảng 02 chỉ 08 phân 07 ly và 01 mặt dây chuyền hình pha lê bằng vàng 14K, trọng lượng khoảng 01 phân 07 ly của bà T1 đeo trên cổ rồi tăng ga bỏ chạy ra đường T hướng đi đường T tẩu thoát. T và T3 đem sợi dây chuyền đến bán tại tiệm V1 Tín địa chỉ số A đường D, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị M1 là chủ tiệm với giá 4.200.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 2.100.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Cùng ngày, bà T1 làm đơn trình báo gửi Công an xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 160/KL-HĐĐGTS ngày 26/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 2,8 chỉ; 01 (Một) mặt dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 0,25 chỉ tổng trị giá 12.479.685 đồng.

Vụ thứ 2: Khoảng 07 giờ 00 phút ngày 30/5/2023, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu đen đã dán biển số 59Y2-350.89 là biển số giả đến khu vực cầu X thuộc huyện H để đón T3. T chở T3 đi trên đường B hướng đi đường H. Khi đến đường B thuộc ấp G, xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì thấy bà Huỳnh Thị Hồng P điều khiển xe mô tô hiệu Honda Airblade màu đen biển số 59Y2- 962.28 dừng lẽ phải để mua đồ, T3 thấy bà P đeo 01 sợi dây chuyền trên cổ nên kêu T quay xe lại để giật dây chuyền thì T đồng ý. T điều khiển xe mô tô quay lại chạy cùng chiều với bà P và áp sát vị trí bà P dừng xe để T3 ngồi phía sau dùng tay phải giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K trọng lượng 4,7 chỉ của bà P rồi tăng ga chạy thoát. T và T3 chạy tới khu vực cầu R thuộc xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí

Minh lấy sợi dây chuyền ra xem thì thấy sợi dây chuyền màu bạc và trên dây chuyền có ghi số “925” có nghĩa là dây chuyền bằng bạc. T và T3 đi đến tiệm V2 tại địa chỉ số A đường D, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh để thử sợi dây chuyền thì cũng được chủ tiệm cho biết đây là dây chuyền bạc không phải vàng. T đưa T3 cất giữ sợi dây chuyền bạc. Ngày 31/5/2023 bà P làm đơn trình báo gửi Công an xã B, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 139/KL-HĐĐGTS ngày 12/6/2023 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 4,7 chỉ trị giá 19.866.000 đồng.

Vụ thứ 3: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 12/01/2024, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-877.04 đến khu vực cầu X, huyện H đón T3. T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật đi cướp giật tài sản. Khoảng 19 giờ 00 phút cùng ngày, khi đến đường phía sau chợ T6 thuộc ấp Đ, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì T phát hiện bà Lê Thị Hòa M đang mở cốp xe lấy 01 cọc tiền để mua đồ, T kêu T3 và nói “đang mở cốp xe kia”, T điều khiển xe mô tô áp sát bà M đang đứng để T3 ngồi sau dùng tay phải giật được số tiền 19.900.000 đồng của bà M và tăng ga bỏ chạy ra hướng Quốc lộ B. T và T3 chia đôi mỗi người 9.950.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Ngày 25/3/2024 bà M làm đơn trình báo gửi Công an xã T.

Vụ thứ 4: Khoảng 08 giờ 00 phút ngày 08/02/2024, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-877.04 đi đến khu vực cầu X, huyện H đón T3. T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật đi cướp giật tài sản. T chở T3 đến đường G thuộc ấp L, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì phát hiện bà Thạch Thị G1 điều khiển xe mô tô hiệu Yamaha Nozza biển số 59L1-999.01 trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền. T3 phát hiện sợi dây chuyền của bà G1 và kêu T chạy chậm lại chờ bà G1 vượt lên để giật sợi dây chuyền, T đồng ý. Bà G1 điều khiển xe mô tô vượt qua xe của T thì T điều khiển xe mô tô áp sát vào phía bên trái của bà G1 để cho T3 ngồi sau dùng tay phải giật 01 sợi dây chuyền vàng 18K, trọng lượng 05 chỉ 32 ly của bà G1 đeo trên cổ rồi tăng ga bỏ chạy hướng ấp L, xã T, huyện C. T và T3 đem sợi dây chuyền bán tại tiệm V3 địa chỉ số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do bà Nguyễn Thị L là chủ tiệm với giá khoảng 12.300.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 6.150.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Ngày 24/3/2024 bà G1 làm đơn trình báo gửi Công an xã T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 69/KL-HĐĐGTS ngày 21/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 5 chỉ 32 ly trị giá 24.307.000 đồng.

Vụ thứ 5: Khoảng 05 giờ 00 phút ngày 28/02/2024, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản để có tiền tiêu xài, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô biển số 50Y1-877.04 đến khu vực cầu X, huyện H đón T3. T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật đi cướp giật tài sản. Khoảng 07 giờ 00 phút cùng ngày, T chở T3 đến khu vực chợ T5 thuộc ấp C, xã T, huyện C, Thành phố H thì T3 quan sát

thấy bà Lê Cẩm T2 đi bộ dắt theo 01 cháu nhỏ, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền, T3 kêu T quay lại, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô áp sát bà T2 để T3 ngồi sau dùng tay phải giật 01 sợi dây chuyền 18K, trọng lượng 8,4 chỉ rồi tăng ga chạy thoát. Trên đường tẩu thoát T3 nói cho T biết lúc giật sợi dây chuyền đã bị đứt, chỉ giật được một đoạn khoảng 20cm. T và T3 đem bán tại tiệm V3 địa chỉ số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với giá khoảng 6.300.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 3.150.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Ngày 24/3/2024 bà T2 làm đơn trình báo gửi Công an xã T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 60/KL-HĐDGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, trọng lượng 8,4 chỉ trị giá 40.891.000 đồng.

Vụ thứ 6: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 07/3/2024, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Thạch điều khiển xe mô tô biển số 50Y1- 877.04 đến khu vực cầu X, huyện H đón T3. T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật đi cướp giật tài sản. Khoảng 19 giờ 50 phút cùng ngày, T và T3 chạy đến ngã 3 T thuộc ấp H, xã T, huyện C thì T3 quan sát thấy bà Văn Thị V đang đứng tại góc ngã 3 T, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền bằng vàng trắng, T3 kêu T quay lại để giật sợi dây chuyền, T đồng ý. T điều khiển xe mô tô quay lại áp sát bà V đang đứng để T3 ngồi sau giật 01 sợi dây chuyền có mặt hình tròn bằng vàng Ý, tổng trọng lượng khoảng 5,9 chỉ của bà V rồi tăng ga tẩu thoát ra ngã tư T. T và T3 bán sợi dây chuyền tại tiệm V3 địa chỉ số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với giá khoảng 8.500.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 4.250.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Riêng mặt dây chuyền đến ngày 08/3/2024, một mình T đem bán tại tiệm V4 tại địa chỉ số B đường T, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh do ông Bùi Đình B1 là chủ tiệm với giá khoảng 4.200.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 2.100.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Ngày 24/3/2024 bà V làm đơn trình báo gửi Công an xã T.

Tại Kết luận định giá tài sản số 63/KL-HĐDGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền loại dây nén khít đan lồng vào nhau bằng vàng Ý, trọng lượng 4,7220 chỉ; 01 (Một) mặt dây chuyền loại mặt dày bằng vàng Ý, trọng lượng 1,2749 chỉ có tổng trị giá 29.241.000 đồng.

Vụ thứ 7: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 10/3/2024, T3 điện thoại rủ T đi cướp giật tài sản, T đồng ý. Thạch điều khiển xe mô tô biển số 50Y1- 877.04 đến khu vực cầu X, huyện H đón T3. T3 dán biển số giả chồng lên biển số thật đi cướp giật tài sản. Khi đi trên đường S thuộc xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì T quan sát thấy bà Đỗ Thị Thanh B điều khiển xe mô tô hiệu Honda Vision màu đỏ biển số 59V1-785.13 chở theo cháu Nguyễn Bảo T4 ngồi phía sau, trên cổ đeo 01 sợi dây chuyền. T3 quan sát thấy bà B đeo 01 sợi dây chuyền nên nói T áp sát để giật sợi dây chuyền T đồng ý. T tăng ga áp sát vào phía bên trái của bà B cùng chiều hướng ra đường T để cho T3 ngồi sau dùng tay phải giật được 01 sợi dây chuyền vàng 18K, loại dây xoắn chạm máy đã si trắng, trọng lượng 3,590 chỉ và làm rơi lại hiện trường 01 mặt dây chuyền vàng Italy, loại mặt tròn 03 tầng có đính đá (01 hột đá lớn), trọng lượng 18,21 gram

của bà B rồi tăng ga chạy hướng Tỉnh lộ 8. T và T3 đem sợi dây chuyền bán tại tiệm V3 địa chỉ số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh với giá khoảng 7.800.000 đồng, T và T3 chia đôi mỗi người 3.900.000 đồng, tiêu xài cá nhân hết. Ngày 11/3/2024 bà B làm đơn trình báo gửi Công an xã H, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh.

Tại Kết luận định giá tài sản số 62/KL-HĐĐGTS ngày 15/5/2024 của Hội đồng định giá tài sản trong tổ tụng hình sự Ủy ban nhân dân huyện C kết luận 01 (Một) sợi dây chuyền bằng vàng 18K, loại dây xoắn chạm máy đã si trắng, trọng lượng 3,590 chỉ; 01 (Một) mặt dây chuyền vàng Italy, loại mặt tròn 3 tầng đính đá (01 hột đá lớn), trọng lượng 18,21 gram tổng trị giá 40.661.000 đồng.

Qua 07 lần thực hiện hành vi cướp giật tài sản vào các ngày 06/02/2023, 30/5/2023, 12/01/2024, 08/02/2024, 28/02/2024, 07/3/2024 và 10/3/2024, Hoàng Ngọc T và Nguyễn Văn T3 đã chiếm đoạt được số tài sản tổng trị giá 187.345.685 đồng.

Vật chứng vụ án:

01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen mang biển kiểm soát 50Y1-877.04; Số khung: RLCE1S940AY048202; Số máy: 1S94048201, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 50 027378, biển số đăng ký 50Y1-877.04.

01 (Một) đôi dép nhựa màu xanh hiệu BITIS, đã qua sử dụng.

01 (Một) mặt dây chuyền vàng Italy, loại mặt tròn 03 tầng có đính đá (01 hột đá lớn), đã qua giám định (đã trao trả cho chủ sở hữu theo Quyết định xử lý vật chứng số 1984/QĐ-ĐCSHS ngày 28/5/2024 của Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C).

Tại Cáo trạng số 308/CT-VKS.CC ngày 19 tháng 11 năm 2024, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh đã truy tố bị can Hoàng Ngọc T về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm b, c, d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Tại phiên tòa, bị cáo Hoàng Ngọc T thừa nhận hành vi phạm tội như trên. Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, Thành phố Hồ Chí Minh truy tố bị cáo về tội “Cướp giật tài sản” theo Điểm b, c, d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự là đúng, không oan sai gì cho bị cáo. Bị cáo tự nguyện bồi thường cho bà Huỳnh Thị Lệ T1 số tiền 21.280.000 đồng, bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền 19.866.000 đồng, bà Lê Thị Họa M số tiền 19.900.000 đồng, bà Thạch Thị G1 số tiền 25.500.000 đồng, bà Lê Cẩm T2 số tiền 26.000.000 đồng, bà Văn Thị V số tiền 29.241.000 đồng, bà Đỗ Thị Thanh B số tiền 18.600.000 đồng; bị cáo tự nguyện trả lại cho ông Trần Văn B2 số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Huỳnh Thị Lệ T1 trình bày: Khoảng 17 giờ 00 phút ngày 06/02/2023 bà ngồi nói chuyện với bạn trước nhà số A hẻm A, ấp C, xã T, huyện C, Thành phố Hồ Chí Minh thì bất ngờ có 02 thanh niên điều khiển xe gắn máy, người ngồi sau giật sợi dây chuyền vàng của bà đeo trên cổ làm bà té ngã. Bà và bạn truy hô, đuổi theo nhưng không kịp. Nay bà yêu cầu bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường cho bà số tiền 21.280.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Huỳnh Thị Hồng P vắng mặt, lời khai của bà P tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện: Vào khoảng 07 giờ 40 phút ngày 30/5/2023 bà đậu xe trước nhà số B, đường B, tổ E, ấp G, xã B, huyện C thì có hai thanh niên điều khiển xe gắn máy chạy ngược chiều với bà bất ngờ người ngồi phía sau dùng tay giật sợi dây chuyền trên cổ bà và nhanh chóng tẩu thoát làm bà ngã ra đường. Bà yêu cầu bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường cho bà số tiền 19.866.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Thị Họa M vắng mặt, lời khai của bà M tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện: Vào khoảng 18 giờ 00 phút ngày 12/01/2024 bà điều khiển xe máy đến ngã tư B thuộc ấp Đ, xã T, huyện C có việc đến lúc về tới địa chỉ số I, Đường G, ấp Đ, xã T, huyện C thì bị hai thanh niên giật cọc tiền trên tay bà. Bà yêu cầu bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường cho bà số tiền 19.900.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Thạch Thị G1 vắng mặt, lời khai của bà G1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C và tại bản tự khai ngày 22/4/2025 thể hiện: Vào khoảng 08 giờ 55 phút ngày 08/02/2024 trên đường đi chợ về đến đoạn trước Văn phòng ấp L, đường G, xã T, huyện C thì có người chạy xe cùng chiều thò tay giật sợi dây chuyền của bà đeo trên cổ, bà dùng tay phải nắm lại sợi dây chuyền nhưng không được, bà ngã xuống đường. Bà yêu cầu bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường số tiền 25.500.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Lê Cẩm T2 vắng mặt, tại bản tự khai ngày 25/4/2025 thể hiện: Bà khẳng định bị cáo Hoàng Ngọc T có giật dây chuyền của bà. Bà bị xây sát nhẹ. Bà không yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền thuốc mà chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường cho bà số tiền 26.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Văn Thị V vắng mặt, tại bản tự khai ngày 25/4/2025 thể hiện: Bị cáo T giật dây chuyền và mặt dây chuyền của bà. Bà bị xây sát nhẹ. Bà không yêu cầu bị cáo T bồi thường tiền thuốc bà chỉ yêu cầu bị cáo T bồi thường dây chuyền và mặt dây chuyền 29.241.000 đồng.

Tại phiên tòa, bị hại bà Đỗ Thị Thanh B vắng mặt, tại bản tự khai ngày 22/4/2025 thể hiện: Bị cáo T giật dây chuyền của bà, bà không bị thương hay xây sát gì. Bà yêu cầu bị cáo T bồi thường dây chuyền là 18.600.000 đồng.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị M1 vắng mặt, lời khai của bà M1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện: Bà không nhớ có mua vàng của bị cáo Hoàng Ngọc T, bà không quen biết bị cáo T.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Nguyễn Thị L vắng mặt, lời khai của bà L tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện: Bà không nhớ có mua vàng của bị cáo Hoàng Ngọc T, bà không quen biết bị cáo T.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Bùi Đình B1 vắng mặt, lời khai của ông B1 tại Cơ quan Cảnh sát điều tra công an huyện C thể hiện: Khoảng 13 giờ 00 phút ngày 08/3/2024 ông có mua vàng ý

màu trắng khoảng 1,2 chỉ với giá 4.200.000 đồng của thanh niên lạ mặt không rõ lai lịch. Ông không quen biết bị cáo Hoàng Ngọc T.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án bà Trương Thị Mỹ D trình bày: Bà là người đứng tên chiếc xe Exciter màu trắng đen biển số 50Y1-877.04. Bà hoàn toàn không biết bị cáo T lấy xe đi cướp giật tài sản. Bà yêu cầu được nhận lại xe và giấy tờ của xe Exciter màu trắng đen biển số 50Y1-877.04.

Tại phiên tòa, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án ông Trần Văn B2 trình bày: Trong quá trình kinh doanh ngành nghề dịch vụ cầm đồ tại địa chỉ số E đường T, ấp F, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh ông có nhận cầm từ bị cáo Hoàng Ngọc T 01 chiếc xe gắn máy nhãn hiệu Yamaha loại Exciter màu trắng đen biển số 50Y1-877.04, xe đứng tên bà Trương Thị Mỹ Duyên S tiền 30.000.000 đồng. Ông yêu cầu bị cáo T hoàn trả cho ông số tiền 30.000.000 đồng.

Tại phiên tòa, đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi giữ quyền công tố phân tích tính chất, mức độ hành vi phạm tội, những tình tiết tăng nặng, giảm nhẹ trách nhiệm hình sự của bị cáo và đề nghị Hội đồng xét xử:

Áp dụng Điểm b, c, d, i Khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T mức án từ 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù đến 08 (tám) năm 6 (sáu) tháng tù.

Về xử lý vật chứng: Áp dụng Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự đề nghị:

Trả lại cho bà Trương Thị Mỹ D 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen mang biển kiểm soát 50Y1- 877.04; Số khung: RLCE1S940AY048202; Số máy: 1S94048201, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 50 027378, biển số đăng ký 50Y1-877.04.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) đôi dép nhựa màu xanh hiệu BITIS, đã qua sử dụng.

Về trách nhiệm dân sự: Bị cáo Hoàng Ngọc T bồi thường cho bà Huỳnh Thị Lệ T1 số tiền 21.280.000 đồng, bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền 19.866.000 đồng, bà Lê Thị Họa M số tiền 19.900.000 đồng, bà Thạch Thị G1 số tiền 25.500.000 đồng, bà Lê Cẩm T2 số tiền 26.000.000 đồng, bà Văn Thị V số tiền 29.241.000 đồng, bà Đỗ Thị Thanh B số tiền 18.600.000 đồng; bị cáo trả lại cho ông Trần Văn B2 số tiền 30.000.000 đồng.

Về hình phạt bổ sung: Bị cáo nghề nghiệp không có đề nghị Hội đồng xét xử xét không áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền theo quy định tại Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

Bị cáo Hoàng Ngọc T không tranh luận, không tự bào chữa.

Bà Huỳnh Thị Lệ T1 không tranh luận.

Bà Trương Thị Mỹ D không tranh luận.

Ông Trần Văn B2 không tranh luận.

Bị cáo Hoàng Ngọc T nói lời sau cùng: Bị cáo mong Hội đồng xét xử xem xét giảm nhẹ hình phạt để bị cáo sớm về với gia đình.

NHẬN ĐỊNH CỦA TÒA ÁN:

Trên cơ sở nội dung vụ án, căn cứ vào các tài liệu trong hồ sơ vụ án đã được tranh tụng tại phiên tòa, Hội đồng xét xử nhận định như sau:

[1] Về hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan có thẩm quyền tiến hành tố tụng, người có thẩm quyền tiến hành tố tụng:

Cơ quan Cảnh sát điều tra Công an huyện C, Điều tra viên, Viện kiểm sát nhân dân huyện C, Kiểm sát viên trong quá trình điều tra, truy tố đã thực hiện đúng về thẩm quyền, trình tự, thủ tục quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự. Quá trình điều tra và tại phiên tòa, bị cáo không có ý kiến hoặc khiếu nại về hành vi, quyết định của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng. Do đó, các hành vi, quyết định tố tụng của cơ quan tiến hành tố tụng, người tiến hành tố tụng đã thực hiện đều hợp pháp.

[2] Về tội danh; điều luật áp dụng; tính chất, mức độ của hành vi phạm tội:

Bị cáo Hoàng Ngọc T không nghề nghiệp, vì mục đích có tiền tiêu xài, để nhanh chóng chiếm đoạt tài sản và tẩu thoát bị cáo chuẩn bị phương tiện là 01 xe mô tô, bình xịt hơi cay để ngăn cản và chống trả lại khi bị phát hiện truy đuổi. Bị cáo có hành vi chiếm đoạt tài sản của bà Huỳnh Thị Lệ T1 vào ngày 06/02/2023 tài sản trị giá 12.479.685 đồng, của bà Huỳnh Thị Hồng P vào ngày 30/5/2023 tài sản trị giá 19.866.000 đồng, của bà Lê Thị Hòa M vào ngày 12/01/2024 tài sản trị giá 19.900.000 đồng, của bà Thạch Thị G1 vào ngày 08/02/2024 tài sản trị giá 24.307.000 đồng, của bà Lê Cẩm T2 vào ngày 28/02/2024 tài sản trị giá 40.891.000 đồng, của bà Văn Thị V vào ngày 07/3/2024 tài sản trị giá 29.241.000 đồng, của bà Đỗ Thị Thanh B vào ngày 10/3/2024 tài sản trị giá 40.661.000 đồng. Tổng giá trị tài sản mà bị cáo đã chiếm đoạt được qua 07 lần là 187.345.685 đồng. Tại bản án số 95/2020/HSST ngày 24/6/2020 của Tòa án nhân dân huyện Hóc Môn, Thành phố Hồ Chí Minh bị cáo đã bị áp dụng tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự theo Điểm h Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự nên lần phạm tội này căn cứ và Đ b Khoản 2 Điều 53 của Bộ luật Hình sự xác định bị cáo phạm tội thuộc trường hợp tái phạm nguy hiểm. Bằng hành vi nêu trên bị cáo Hoàng Ngọc T đã phạm vào tội “Cướp giật tài sản”, tội phạm và hình phạt được quy định tại Điểm b, c, d, i Khoản 2 Điều 171 của Bộ luật Hình sự. Do đó, Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi truy tố bị cáo về tội danh nêu trên là có căn cứ, đúng người, đúng tội, đúng pháp luật.

Hành vi của bị cáo là nguy hiểm cho xã hội. Vì mục đích có tiền tiêu xài mà bị cáo đã chiếm đoạt tài sản. Hành vi của bị cáo không những đã trực tiếp xâm phạm đến quyền sở hữu về tài sản của bị hại mà còn gây mất trật tự an toàn xã hội, gây ảnh hưởng đến đời sống và sinh hoạt tại địa phương. Khi thực hiện hành vi phạm tội bị cáo nhận thức rõ việc bị cáo chiếm đoạt tài sản là sai trái, phạm pháp nhưng bị cáo vẫn ngang nhiên đi đến hành động phạm tội nhằm thỏa

mãn động cơ tư lợi của cá nhân bị cáo. Do vậy, Hội đồng xét xử thấy cần phải xử lý bị cáo bằng một hình phạt nghiêm và cách ly ra khỏi xã hội một thời gian là cần thiết.

[3] Về tình tiết tăng nặng trách nhiệm hình sự:

Bị cáo Hoàng Ngọc T thực hiện phạm tội 02 lần trở lên nên phạm vào Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

[4] Về tình tiết giảm nhẹ trách nhiệm hình sự:

Tại Cơ quan điều tra cũng như tại phiên tòa, bị cáo đã thành khẩn khai báo, ăn năn hối cải. Xét đề nghị của đại diện Viện kiểm sát nhân dân huyện Củ Chi, xét tính chất và hành vi phạm tội của bị cáo, Hội đồng xét xử áp dụng Điểm s Khoản 1 Điều 51 của Bộ luật Hình sự để xem xét giảm nhẹ cho bị cáo phần nào về hình phạt là có căn cứ.

[5] Về hình phạt bổ sung:

Bị cáo nghề nghiệp không có. Hội đồng xét xử xét không cần thiết áp dụng hình phạt bổ sung là phạt tiền đối với bị cáo theo quy định tại Điều 32 và Khoản 5 Điều 171 của Bộ luật Hình sự.

[6] Về vật chứng vụ án:

01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen mang biển kiểm soát 50Y1-877.04; Số khung: RLCE1S940AY048202; Số máy: 1S94048201, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 50 027378, biển số đăng ký 50Y1-877.04. Đây là tài sản của bà Trương Thị Mỹ D. Bị cáo sử dụng xe mô tô nói trên vào việc phạm tội, bà D không biết. Tại phiên tòa, bà D xin nhận lại để sử dụng. Hội đồng xét xử thấy có căn cứ nên chấp nhận.

01 (Một) đôi dép nhựa màu xanh hiệu BITIS, đã qua sử dụng là tài sản của bị cáo, bị cáo không có yêu cầu nhận lại, không có giá trị sử dụng, Hội đồng xét xử xét cần tịch thu tiêu hủy.

01 (Một) mặt dây chuyền vàng Italy, loại mặt tròn 03 tầng có đính đá (01 hột đá lớn), đã qua giám định đã trao trả cho chủ sở hữu nên Hội đồng xét xử không xét.

[7] Về nghĩa vụ dân sự:

Bị cáo Hoàng Ngọc T tự nguyện bồi thường cho bà Huỳnh Thị Lệ T1 số tiền 21.280.000 đồng, bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền 19.866.000 đồng, bà Lê Thị Họa M số tiền 19.900.000 đồng, bà Thạch Thị G1 số tiền 25.500.000 đồng, bà Lê Cẩm T2 số tiền 26.000.000 đồng, bà Văn Thị V số tiền 29.241.000 đồng, bà Đỗ Thị Thanh B số tiền 18.600.000 đồng; bị cáo tự nguyện trả lại cho ông Trần Văn B2 số tiền 30.000.000 đồng. Hội đồng xét xử ghi nhận sự tự nguyện của bị cáo bồi thường cho bà Huỳnh Thị Lệ T1 số tiền 21.280.000 đồng, bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền 19.866.000 đồng, bà Lê Thị Họa M số tiền 19.900.000 đồng, bà Thạch Thị G1 số tiền 25.500.000 đồng, bà Lê Cẩm T2 số tiền 26.000.000 đồng, bà Văn Thị V số tiền 29.241.000 đồng, bà Đỗ Thị Thanh B số tiền 18.600.000 đồng, của bị cáo trả lại cho ông Trần Văn B2 số tiền 30.000.000 đồng.

[8] Về các vấn đề khác:

Đối với bà Nguyễn Thị M1 chủ tiệm V2 tại địa chỉ số A đường D, ấp D, xã X, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà M1 khai nhận không nhớ có mua vàng của T, không quen biết Thạch nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét xử lý trên là phù hợp nên không xét.

Đối với bà Nguyễn Thị L chủ tiệm V3 tại địa chỉ số C đường Đ, ấp T, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Bà L khai nhận không nhớ có mua vàng của T, không quen biết Thạch nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét xử lý trên là phù hợp nên không xét.

Đối với ông Bùi Đình B1 chủ tiệm V4 tại địa chỉ số B đường T, ấp M, xã T, huyện H, Thành phố Hồ Chí Minh. Ông B1 khai nhận có mua vàng của T, nhưng không biết đó là tài sản do phạm tội mà có, nên không có căn cứ xem xét trách nhiệm hình sự. Hội đồng xét xử xét xử lý trên là phù hợp nên không xét.

Đối với Nguyễn Văn T3, xác minh tại địa phương hiện không có mặt, Cơ quan Cảnh sát điều tra đã ra Quyết định tách vụ án hình sự, ra thông báo truy tìm đối tượng để xử lý theo quy định. Hội đồng xét xử xét xử lý trên là phù hợp nên không xét.

[9] Về nghĩa vụ chịu án phí:

Buộc bị cáo Hoàng Ngọc T phải chịu án phí hình sự sơ thẩm và án phí dân sự sơ thẩm theo quy định của Bộ luật Tố tụng hình sự và Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội quy định về mức thu, miễn, giảm, thu, nộp, quản lý và sử dụng án phí và lệ phí Tòa án.

Vì các lẽ trên,

QUYẾT ĐỊNH:

Tuyên bố bị cáo Hoàng Ngọc T phạm tội “Cướp giật tài sản”.

Căn cứ vào Điểm b, c, d, i Khoản 2 Điều 171, Điều 38, Điểm s Khoản 1 Điều 51, Điểm g Khoản 1 Điều 52 của Bộ luật Hình sự.

Xử phạt bị cáo Hoàng Ngọc T 07 (bảy) năm 6 (sáu) tháng tù. Thời hạn tù tính từ ngày 27 tháng 3 năm 2024.

Căn cứ vào Điều 30 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Điều 584, Điều 585, Điều 586, Điều 589, Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị Lệ T1 số tiền 21.280.000đ (hai mươi một triệu hai trăm tám mươi nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Huỳnh Thị Hồng P số tiền 19.866.000đ (mười chín triệu tám trăm sáu mươi sáu nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Thị Hòa M số tiền 19.900.000đ (mười chín triệu chín trăm nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Thạch Thị G1 số tiền 25.500.000đ (hai mươi lăm triệu năm trăm nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Lê Cẩm T2 số tiền 26.000.000đ (hai mươi sáu triệu đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Văn Thị V số tiền 29.241.000đ (hai mươi chín triệu hai trăm bốn mươi một nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm bồi thường cho bà Đỗ Thị Thanh B số tiền 18.600.000đ (mười tám triệu sáu trăm nghìn đồng).

Bị cáo Hoàng Ngọc T có trách nhiệm trả lại cho ông Trần Văn B2 số tiền 30.000.000đ (ba mươi triệu đồng).

Kể từ ngày bà T1, bà P, bà M, bà G1, bà T2, bà V, bà B2, ông B2 có đơn yêu cầu thi hành án nếu Hoàng Ngọc T chậm thực hiện nghĩa vụ trả tiền thì Hoàng Ngọc T phải trả lãi đối với số tiền chậm trả tương ứng với thời gian chậm trả. Lãi suất phát sinh do chậm trả tiền được thực hiện theo quy định tại các Điều 357 và Điều 468 của Bộ luật Dân sự.

Thi hành tại Cơ quan Thi hành án dân sự có thẩm quyền.

Căn cứ vào Điểm a, b Khoản 1 Điều 47 của Bộ luật Hình sự và Khoản 2 Điều 106 của Bộ luật Tố tụng hình sự.

Trả lại cho bà Trương Thị Mỹ D 01 (Một) xe mô tô hiệu Yamaha Exciter màu trắng đen mang biển kiểm soát 50Y1-877.04; Số khung: RLCE1S940AY048202; Số máy: 1S94048201, đã qua sử dụng; 01 giấy chứng nhận đăng ký xe mô tô, xe gắn máy số 50 027378, biển số đăng ký 50Y1-877.04.

Tịch thu tiêu hủy: 01 (Một) đôi dép nhựa màu xanh hiệu BITIS, đã qua sử dụng.

Căn cứ vào Điều 135 và Điều 136 của Bộ luật Tố tụng hình sự; Luật Phí và lệ phí năm 2015; Điểm a, Đ c Khoản 1 Điều 23 của Nghị quyết số 326/2016/UBTVQH14 ngày 30 tháng 12 năm 2016 của Ủy ban thường vụ Quốc hội.

Án phí hình sự sơ thẩm 200.000đ (hai trăm nghìn đồng) buộc bị cáo Hoàng Ngọc T phải chịu.

Án phí dân sự sơ thẩm 9.519.350đ (chín triệu năm trăm mười chín nghìn ba trăm năm mươi đồng) buộc bị cáo Hoàng Ngọc T phải chịu.

Bị cáo, bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án có mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày tuyên án. Đối với bị hại, người có quyền lợi, nghĩa vụ liên quan đến vụ án vắng mặt tại phiên tòa có quyền kháng cáo trong thời hạn 15 ngày kể từ ngày nhận được bản án hoặc kể từ ngày bản án được niêm yết.

Trường hợp bản án được thi hành theo quy định tại Điều 2 Luật Thi hành án dân sự thì người được thi hành án dân sự, người phải thi hành án dân sự có quyền thỏa thuận thi hành án, quyền yêu cầu thi hành án, tự nguyện thi hành án hoặc bị cưỡng chế thi hành án theo quy định tại các Điều 6, 7 và 9 Luật Thi hành

án dân sự; thời hiệu thi hành án được thực hiện theo quy định tại Điều 30 Luật Thi hành án dân sự.

Nơi nhận:

- TAND Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND Thành phố Hồ Chí Minh;
- Sở Tư pháp Thành phố Hồ Chí Minh;
- VKSND huyện Củ Chi;
- Chi cục THADS huyện Củ Chi;
- Bị cáo;
- Đương sự;
- Lưu: Vp, hồ sơ.

**TM. HỘI ĐỒNG XÉT XỬ SƠ THẨM
THẨM PHÁN - CHỦ TỌA PHIÊN TÒA**

Nguyễn Hồng Thủy